

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mến.
2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thông Phát C, sinh năm: 1987 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp PT, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp PT, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Liều A M, sinh năm: 1971 (Có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đội 2, ấp 4, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Thông Phát C trình bày:

Ông Thông Phát C xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị P vào năm 2006 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đăk RTih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa ông C và bà P hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên

cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bà P bỏ đi khỏi địa pH từ năm 2018 cho đến nay không có tin tức gì. Năm 2022 ông C nộp đơn yêu cầu tuyên bố bà P mất tích và được Tòa án nhân dân huyện XM tuyên bố bà Nguyễn Thị P mất tích theo quyết định tuyên bố một người mất tích số 12/2022/QĐST-VDS ngày 04/10/2022. Nay ông C nhận thấy bà P đã bỏ đi không có tin tức gì, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại nên ông C yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông Thông Phát C và bà Nguyễn Thị P có 04 con chung tên Thông Cẩm T, sinh ngày 14/8/2006, Thông Phát B, sinh ngày 13/11/2007, Thông Cẩm H, sinh ngày 13/11/2007 và Thông L T, sinh ngày 11/8/2012. Trước đây, các con chung sống với ông C nhưng từ khoảng tháng 10/2022 đến nay 03 con chung tên T1, H và T đang chung sống với bà ngoại là bà Liễu A M tại đội 2, ấp 4, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, riêng con chung tên Bảo đang sống cùng ông C. Ông C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Riêng 03 con chung tên T1, H và L, sống với bà M thì ông C không có ý kiến gì hiện tại các cháu sống với bà M vẫn tốt bà M chăm sóc các cháu vẫn tốt, trường hợp giao cháu Thông Cẩm T, Thông Cẩm H và Thông L T cho bà M ông C vẫn đồng ý, ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thông Phát C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P, ngày 04/10/2022 Tòa án nhân dân huyện XM ra quyết định số 12/2022/QĐST-VDS tuyên bố bà Nguyễn Thị P mất tích theo đơn yêu cầu của ông Thông Phát C. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị P vẫn không có mặt tại Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Liễu A M trình bày:

Bà Liễu A M là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị P là bị đơn trong vụ án, hiện bà P đi làm ăn xa bà M không có địa chỉ cụ thể. Các cháu tên Thông Cẩm T, sinh ngày 14/8/2006, Thông Cẩm H, sinh ngày 13/11/2007 và Thông L T, sinh ngày 11/8/2012 đang sống với bà M và bà M chăm sóc. Nay ông C yêu cầu ly hôn với bà P thì bà M không có ý kiến gì nhưng về yêu cầu nuôi con của ông C thì bà M không đồng ý, do ông C không có trách nhiệm với con cái, từ khi các cháu về ở với bà M thì ông C không hề chu cấp cho các cháu tiền sinh hoạt và học hành. Ngoài ra ông C còn viết đơn từ con, ngoài ra ông C còn yêu cầu các con đừng liên lạc với ông C nữa do đó bà M không đồng ý với yêu cầu nuôi con của ông C.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và về giải quyết con chung đề nghị Tòa án giao con chung tên Thông Phát B, sinh ngày 13/11/2007 cho ông C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao các con chung tên Thông Cẩm T, sinh ngày 14/8/2006, Thông Cẩm H, sinh ngày 13/11/2007 và Thông L T, sinh ngày 11/8/2012 cho bà Liều A M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Ông Thông Phát C yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung với bà Nguyễn Thị P, nên xác định đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị P có nơi cư trú cuối cùng tại huyện XM theo điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng bà P vẫn vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án ông Thông Phát C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Liều A M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thông Phát C, bà Nguyễn Thị P và bà Liều A M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thông Phát C xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị P vào năm 2006 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã Đăk RTih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số I/07 đăng ký ngày 07/6/2008 của UBND xã Đăk RTih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông C trình bày, ông C và bà P chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông C và bà P bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã. Đến cuối năm 2018 thì bà P bỏ nhà đi từ đó đến nay không về, ông C có yêu cầu và Tòa án nhân dân huyện XM đã ra quyết định tuyên bố bà Nguyễn Thị P mất tích. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông C và bà P thật sự không còn, khó có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà P.

[3] Về con chung: Ông Thông Phát C và bà Nguyễn Thị P có 04 con chung tên Thông Cẩm T, sinh ngày 14/8/2006, Thông Phát B, sinh ngày 13/11/2007, Thông Cẩm H, sinh ngày 13/11/2007 và Thông L T, sinh ngày 11/8/2012.

Xét yêu cầu của ông C cho thấy, từ khi ông C nộp đơn và Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay bà P không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc ông C có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, Tòa án có làm việc với bà Liễu A M là bà ngoại của các cháu thì hiện nay các cháu tên T1, H và T đang sinh sống cùng bà M. Việc ông C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung bà M không đồng ý, vì từ khi các cháu tên T1, H và T về sống cùng bà M thì ông C không hề chu cấp cho các cháu tiền sinh hoạt và học hành, ngoài ra ông C còn viết đơn từ con, ông C còn yêu cầu các con đừng liên lạc với ông C nữa. Bà M có cung cấp cho Tòa án đơn cam kết từ con ngày 1 – 11 – 2022 có chữ ký ghi tên Thông Phát C và tin nhắn qua lại qua điện thoại nhưng không thể hiện rõ là ai nhắn với ai (đoạn tin nhắn) và là bản photo nên không được xem là chứng cứ.

Xét nguyện vọng của các cháu T1, H và T cho thấy các cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ và bà, với mong muốn các chị em được chung sống cùng nhau. Riêng cháu Bảo có nguyện vọng được chung sống cùng ông C. Tòa án căn cứ vào tình hình thực tế (hiện bà P đã bỏ đi) các cháu T1, H và T đang sinh sống cùng bà M, cháu T đang đi học tại xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, để đảm bảo ổn định việc học tập, vui chơi và phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần của các cháu và nguyện vọng của các cháu, trên cơ sở các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Bảo cho ông C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông C không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tạm giao các cháu tên T1, H và T (trong thời gian bà P bỏ đi) cho bà Liễu A M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà M không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi các cháu tên T1, H và T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thông Phát C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Thông Phát C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82,

Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Thông Phát C đối với bà Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Thông Phát C được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Ông Thông Phát C và bà Nguyễn Thị P có 04 con chung tên Thông Cẩm T, sinh ngày 14/8/2006, Thông Phát B, sinh ngày 13/11/2007, Thông Cẩm H, sinh ngày 13/11/2007 và Thông L T, sinh ngày 11/8/2012.

Giao cháu Thông Phát B cho ông Thông Phát C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Bà Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tạm giao các cháu tên Thông Cẩm T, Thông Cẩm H, và Thông L T cho bà Liễu A M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ông Thông Phát C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Thông Phát C và bà Nguyễn Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thông Phát C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Ông Thông Phát C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011408 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông C đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
 - VKSND huyện XM;
 - Chi cục THADS huyện XM;
 - UBND xã Đăk RTi, huyện Tuy Đức,
- tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
 - Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo